

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/4/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

Bà Ngô Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 81/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1983,

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1984.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Tiến D1, sinh năm 2001. Địa chỉ cư trú: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự đều vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn ông Hoàng Văn D trình bày: Ông và bà Phạm Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã T), huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 12/02/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2013 thì bà T đi lao động tại Đài Loan, thời gian đầu bà có liên lạc điện thoại về cho ông nhưng thời gian sau đó bà không liên lạc cho ông nữa. Ông nhiều lần khuyên bảo bà T về nước để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng bà T không về, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Ông xác định vợ chồng sống ly thân từ lâu, tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Tiến D1, sinh ngày 07/7/2001, Hoàng Thị Ánh T1, sinh ngày 31/7/2003 và Hoàng Đức Q, sinh ngày 06/8/2012. Cháu Hoàng Tiến D1 và Hoàng Thị Ánh T1 đã trưởng thành, cháu D1 đã có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Hoàng Đức Q có nguyện vọng ở với mẹ nên khi ly hôn ông đề nghị Tòa án giao cháu Hoàng Đức Q cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ông tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là 4.000.000đ/tháng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Trong thời gian bà T không có mặt ở Việt Nam cháu Hoàng Tiến D1 có trách nhiệm nuôi cháu Q cho đến khi bà T về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định vợ chồng không có tài sản chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ông D không cung cấp được địa chỉ của bà T nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình bà T. Anh Hoàng Tiến D1 (là con đẻ bà T) trình bày: Anh không biết địa chỉ cụ thể của bà T ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên bà T vẫn thường xuyên liên lạc với anh qua điện thoại. Anh đồng ý nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho bà T biết, thông qua gia đình bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông D xin ly hôn, bà nhất trí. Bà xác định vợ chồng có 03 con chung như ông D trình bày là đúng, hai con lớn đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Hoàng Đức Q cho đến khi con đủ 18 tuổi và nhất trí việc ông D tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 4.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Trong thời gian không có mặt ở Việt Nam, bà ủy quyền cho anh D1 chăm sóc cháu Q cho đến khi bà về nước. Tài sản chung, nợ chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hoàng Tiến D1 nhất trí thay bà T chăm sóc em trai là Hoàng Đức Q cho đến khi bà T về nước và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi em trai.

Con chung của ông D và bà T là cháu Hoàng Đức Q có nguyện vọng được ở với bà T và anh D1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Hoàng Văn D ly hôn bà Phạm Thị T. Về con chung: Giao con chung Hoàng Đức Q cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của ông D cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 4.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tạm giao cháu Hoàng Đức Q cho anh Hoàng Tiến D1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian bà T không có mặt tại Việt Nam. Ông D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn ông Hoàng Văn D hiện đang sinh sống ở Việt Nam; bị đơn bà Phạm Thị T có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, hiện bà T đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D không cung cấp được địa chỉ cụ thể của bà T. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình bà T cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh D1 là con đẻ bà T để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa ông D và bà T đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Anh Dũng vẫn liên lạc với bà T và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa ông D và bà T. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Văn D và bà Phạm Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã T), huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 12/02/2003 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống

đến năm 2013 thì bà T đi lao động tại Đài Loan, thời gian đầu bà T có liên lạc về nhà cho gia đình nhưng sau đó bà T không liên lạc nữa, ông D nhiều lần động viên bà T về nước để hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng nuôi dạy con cái nhưng bà T không về, vợ chồng sống xa cách từ năm 2013 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Ông D xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà T. Thông qua gia đình bà T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông D xin ly hôn bà nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa ông D và bà T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D.

[2.2] Về quan hệ con chung: Ông Hoàng Văn D và bà Phạm Thị T có 03 con chung là Hoàng Tiến D1, sinh ngày 07/7/2001, Hoàng Thị Ánh T1, sinh ngày 31/7/2003 và Hoàng Đức Q, sinh ngày 06/8/2012. Ông D và bà T xác định cháu D1 và cháu T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời thống nhất giao cháu Hoàng Đức Q cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, ông D tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 4.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Q thành niên (tròn 18 tuổi). Cháu Hoàng Đức Q có nguyện vọng được ở với bà T và anh D1. Bà T ủy quyền cho anh Hoàng Tiến D1 chăm sóc cháu Q cho đến khi bà về nước. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của ông và bà giao con chung cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của ông D cấp dưỡng tiền nuôi con Hoàng Đức Q là 4.000.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu Hoàng Đức Q cho anh Hoàng Tiến D1 nuôi dưỡng trong thời gian bà T không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông D, bà T xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Ông Hoàng Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Hoàng Văn D ly hôn bà Phạm Thị T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho bà Phạm Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hoàng Đức Q, sinh ngày 06/8/2012 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của ông D cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 4.000.000đ/tháng kể từ tháng 5/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tạm giao con chung Hoàng Đức Q cho anh Hoàng Tiến D1 nuôi dưỡng trong thời gian bà T không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi bà T có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà ông D không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Ông Hoàng Văn D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000464 ngày 21/02/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Ông D đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Hoàng Văn D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Hoàng Văn D và anh Hoàng Tiến D1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; bà Phạm Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Thanh Quang, huyện

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thanh Hà, tỉnh Hải Dương:
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

Nguyễn Xuân Trường